

Bản án số: 46/2022/DSST

Ngày: 22/3/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ C

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Công Ny

2. Bà Hồ Thị Kim Luyến

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ An Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân quận N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân - Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2021/TLST-DS ngày 13/4/2021 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-DS ngày 28/02/2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP K**

Địa chỉ: 40-42-44 Đường Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt Tiên – Nhân viên PGD Cái Răng.

Địa chỉ: Số nhà 161/3B Quốc lộ 1A, phường Lê Bình, quận Cái Răng, thành phố C. Có mặt. (Văn bản ủy quyền ngày 24/10/2020)

* Bị đơn: Bà **Lê Thị Ái T** SN: 1977

Ông **Văn Trung S**, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: 38/37 KV1 Nguyễn Trãi, phường An Hội (nay là Tân An, quận N, thành phố C. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bị đơn là bà Lê Thị Ái T có ký với nguyên đơn là Ngân hàng K hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố A922136/HĐTD-CC, ngày

11/11/2019, tại hợp đồng cũng ghi nhận ông Văn Trung S là người liên đới trách nhiệm, hợp đồng có chữ ký, ghi tên của các bên, nội dung như sau:

Số tiền vay: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)

Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh

Lãi xuất vay: 16,0%/năm

Lãi xuất quá hạn (châm trả): Bằng 150% lãi xuất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Hợp đồng tín dụng nêu trên được đảm bảo bằng tài sản là xe gắn máy nhãn hiệu Honda PCX, biển số 65B1-307.54; Giấy chứng nhận số 077994, do Phòng CSGT TP C cấp ngày 02/02/2018 (đăng ký lần đầu vào năm 2013); số máy: JF43E0007980; số khung: 4304DY007952;

Trong thời hạn vay, bị đơn chỉ thanh toán được cho Ngân hàng 8.806.000 đồng nợ gốc. Kể từ 27/6/2020 đến nay, các bị đơn vi phạm hợp đồng, ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nợ quá hạn và làm việc trực tiếp và bị đơn cũng có cam kết thanh toán, nhưng đến thời điểm hiện tại các bị đơn vẫn không thanh toán nợ cho ngân hàng như thỏa thuận đã ký.

Do các bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc bà Lê Thị Ái T và ông Văn Trung S phải trả nợ ngay cho Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh C- PGD Cái Răng toàn bộ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 22/3/2022 là 18.286.663 đồng (trong đó, vốn gốc 11.194.000 đồng; lãi trong hạn chưa trả là 1.253.699 đồng; lãi xuất phát sinh tính theo mức lãi thỏa thuận và lãi suất nợ quá hạn quy định trong hợp đồng tín dụng là 5.838.964 đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Nếu các bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền trên, ngân hàng yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành phát mãi tài sản đã thế chấp để thanh toán dứt nợ.

- Buộc các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định.

Bị đơn là Bà T và Ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ kiện nhưng vắng mặt và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, vụ kiện thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, Tòa án nhân dân quận N tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa,

Đại diện hợp pháp cho nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Theo bảng tự khai ngày 22/3/2022 và bảng kê thu tiền tín dụng, thì tính đến ngày 22/3/2022, các bị đơn còn thiếu nguyên đơn là 18.286.663 đồng, trong đó nợ gốc là 11.194.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 1.153.699 đồng; nợ lãi quá hạn là 5.838.964 đồng.

Các bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên tòa án không ghi nhận được ý kiến.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm túc theo thông báo của Tòa án.

- Về giải quyết vụ án: Hợp đồng ký kết giữa các bên là phù hợp. Các bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Tòa án chấp nhận.

Đối với tài sản thế chấp, nếu các bị đơn không thanh toán nợ cho ngân hàng, thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản để thu hồi nợ theo thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đủ cơ sở để xác định giữa Ngân hàng TMCP K và bị đơn ông Văn Trung S và bà Lê Thị Ái T có xác lập hợp đồng tín dụng vào ngày 11/11/2019. Do các bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các bị đơn có hộ khẩu tại 38/37 KV1 Nguyễn Trãi, phường An Hội (nay là Tân An), quận N, TP C và hiện vẫn còn sinh sống tại địa phương. Quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ, nhưng không có mặt theo thông báo của Tòa án, không có lý do, là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại Tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, có đủ cơ sở xác định bị đơn và nguyên đơn có giao kết các hợp đồng tín dụng đúng như trình bày của nguyên đơn. Thỏa thuận tại hợp đồng của các đương sự phù hợp với quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật. Tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên có đủ năng lực trách nhiệm dân sự và giao kết trên cơ sở tự nguyện nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc: Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng trong một thời gian dài, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn

trả số tiền nợ gốc là nợ gốc là 11.194.000 (Mười một triệu một trăm chín mươi bốn nghìn) đồng là phù hợp, nên có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu buộc bị đơn trả tiền nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm theo mức lãi suất nợ quá hạn qui định trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu trả lãi tạm tính đến ngày 22/3/2022 là 7.092.663 (bảy triệu không trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi ba) đồng; trong đó nợ lãi trong hạn là 1.153.699 (một triệu một trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi chín) đồng; Nợ lãi quá hạn 5.838.964 (năm triệu tám trăm ba mươi tám nghìn chín trăm sáu mươi bốn đồng) là phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng, phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đối với tài sản thế chấp: Tại hợp đồng nêu trên, bị đơn là Bà T có thể chấp tài sản là xe gắn máy nhãn hiệu Honda PCX, biển số 65B1-307.54; Giấy chứng nhận số 077994, do Phòng CSGT TP C cấp cho bà Lê Thị Ái T ngày 02/02/2018 (đăng ký lần đầu vào năm 2013); số máy: JF43E0007980; số khung: 4304DY007952; để đảm bảo cho số nợ vay. Nên Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của đại diện nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 90, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP K đối với bị đơn là bà Lê Thị Ái T và ông Văn Trung S.

Buộc các bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 22.3.2022 là 18.286.663 (Mười tám triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi ba nghìn) đồng. Bao gồm:

- Nợ gốc là 11.194.000 (Mười một triệu một trăm chín mươi bốn nghìn) đồng;

- Nợ lãi là 7.092.663 (bảy triệu không trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi ba) đồng; trong đó nợ lãi trong hạn là 1.153.699 (một triệu một trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi chín) đồng; Nợ lãi quá hạn 5.838.964 (năm triệu tám trăm ba mươi tám nghìn chín trăm sáu mươi bốn) đồng.

Bị đơn còn phải chịu lãi phát sinh tính từ ngày 23/3/2022 cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu các bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn thì ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản là xe gắn máy nhãn hiệu Honda PCX, biển số 65B1-307.54; Giấy chứng nhận số 077994, do Phòng CSGT TP C cấp cho bà Lê Thị Ái T vào ngày 02/02/2018 (đăng ký lần đầu vào năm 2013); số máy: JF43E0007980; số khung: 4304DY007952 để thanh toán số nợ mà các bị đơn còn thiếu.

3. Về án phí và các chi phí khác:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 914.333 (chín trăm mười bốn nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

Nguyên đơn được nhận lại 379.000 đồng (ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 003807 ngày 23/3/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố C.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ khi tuyên án. Các bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND quận N;
- Thi hành án quận N;
- TAND TP C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thùy Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Công Ny Hồ Thị Kim Luyên

Nguyễn Thị Thùy Linh